TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THỐNG NHẤT** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **65**/2022/HNGĐ-ST
Ngày 14-9-2022
V/v: "*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỐNG NHẤT

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thanh Xuân

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Sóng Thành

2. Bà Cao Thị Kim Phương

- *Thư ký phiên tòa*: Ông Phạm Việt Dũng - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa*:* Bà Lê Thị Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số 419/2022/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 6 năm 2022, về việc "*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 63/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 8 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 102/2022/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Bà **Đặng Thị O**, sinh năm 1973.

Địa chỉ: Số nhà 68/3A, ấp ĐK, xã GK, huyện TN, tỉnh Đồng Nai.

Địa chỉ liên lac: Thôn 12, xã LT, huyện BL, tỉnh Lâm Đồng.

2. *Bị đơn*: Ông **Đào Ngọc T**, sinh năm 1969.

Địa chỉ: Số nhà 68/3A, ấp ĐK, xã GK, huyện TN, tỉnh Đồng Nai.

(Bà O xin vắng mặt, ông T vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nguyên đơn bà Đặng Thị O trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà O và ông T kết hôn với nhau từ năm 2000, có đăng ký kết hôn, có tổ chức đám cưới, hôn nhân là tự nguyện. Vợ chồng chung sống hạnh phúc từ khi kết hôn đến năm 2019 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là bất đồng quan điểm và lối sống, từ đó dẫn đến vợ chồng nảy sinh nhiều tranh cãi, bất hòa. Ông T không có trách nhiệm với gia đình lại có tật rượu chè, sau khi uống say thì không tự làm chủ được bản thân có nhiều lời nói, hành vi xúc phạm có khi còn hành hung vợ con. Để tránh mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn, vợ chồng bà đã quyết định sống ly thân từ năm 2019 cho đến nay, hiện mỗi người đều có cuộc sống riêng, không còn quan tâm

chăm sóc cho nhau nữa. Nay bà nhận thấy tình cảm vơ'í ông T không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu được ly hôn với ông Đào Ngọc T.

Về con chung: Vợ chồng có 04 (bốn) con chung là Đào A, sinh ngày 06/7/2000, Đào B, sinh ngày 23/9/2003, Đào C, sinh ngày 14/01/2006 và Đào D, sinh ngày 01/01/2010. Khi ly hôn, bà O yêu cầu trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục các cháu C, D. Bà O không bên nào phải cấp dưỡng nuôi các con chung. Riêng hai cháu A và B đã thành niên, có khả năng lao động tự nuôi sống bản thân nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Theo bà O trình bày là không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Theo bà O trình bày là không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình thụ lý và giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành tống đạt các văn bản tố tụng và giấy triệu tập, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho ông Đào Ngọc T đến Tòa làm việc, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông Đào Ngọc T vắng mặt không có lý do nên không có lời khai.

Ý kiến đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án được thực hiện theo đúng quy định.

Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; Bị đơn đã được Tòa án tống đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử số 63/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 8 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 102/2022/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 8 năm 2022 nhưng ông Đào Ngọc T vắng mặt không lý do, đề nghị Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bà O, ông T .

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn yêu cầu xin ly hôn của bà O. Về con chung: Giao cháu Đào D, sinh ngày 01/01/2010 và cháu Đào C, sinh ngày 14/01/2006 cho bà O trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Tạm thời ông T không phải cấp dưỡng nuôi con. Riêng hai cháu Đào A, sinh ngày 06/7/2000, Đào B, sinh ngày 23/9/2003 đã thành niên nên không xem xét giải quyết. Bà O phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] **Về tố tụng**:

[1.1] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp, tư cách đương sự và thẩm quyền giải quyết*: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn, yêu cầu trực tiếp nuôi con chung nên căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự

xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là "*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*"; Nguyên đơn là bà Đặng Thị O, bị đơn là ông Đào Ngọc T. Bị đơn đang cư trú tại số 68/3A, ấp ĐK, xã GK, huyện TN, tỉnh Đồng Nai căn cứ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai.

[1.2] ***Về việc xét xử vắng mặt đương sự*:**

Ngày 23/6/2022, nguyên đơn bà Đặng Thị O gửi đơn đề nghị xét xử vắng mặt; Tòa án đã tiến hành tống đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử số 63/2022/QĐXX - ST vào ngày 12/8/2022, thông báo cho bị đơn ông Đào Ngọc T biết phải có mặt tại Tòa án vào lúc 10 giờ 00 phút ngày 29/8/2022 để tham gia phiên tòa, ông T vắng mặt không có lý do, Hội đồng xét xử hoãn phiên tòa. Ngày 29/8/2022, Tòa án tống đạt quyết định hoãn phiên tòa số 102/2022/QĐST-HNGĐ thông báo cho ông T phải có mặt tại Tòa án vào lúc 09 giờ 00 phút ngày 14/9/2022 để tham gia phiên tòa, ông T tiếp tục vắng mặt không có lý do, Hội đồng xét xử áp dụng Điều 227 Bộ luật tố tụng Dân sự giải quyết vụ án theo thủ tục chung, xử vắng mặt bà O, ông T .

[2] **Về nội dung vụ án:**

[2.1] *Về quan hệ hôn nhân*: Bà Đặng Thị O và ông Đào Ngọc T kết hôn trên cơ sở tự nguyện và đã được Ủy ban nhân xã Gia Kiệm, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn số 90 ngày 27/10/2000 nên áp dụng Điều 11, Điều 12 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 xác định là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn: Theo bà O trình bày, sau khi kết hôn vợ chồng bà chung sống hạnh phúc được một thời gian đến năm 2019 thì bắt đầu phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là bất đồng quan điểm và lối sống, từ đó dẫn đến vợ chồng nảy sinh nhiều tranh cãi, bất hòa. Ông T không có trách nhiệm với gia đình lại có tật rượu chè, sau khi uống say thì không tự làm chủ được bản thân có nhiều lời nói, hành vi xúc phạm có khi còn hành hung vợ con. Hiện cả hai đã sống ly thân từ năm 2019 đến nay, không còn quan tâm, yêu thương, chăm sóc cho nhau. Tòa án cũng đã tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và giấy triệu tập, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho ông Đào Ngọc T đến Tòa làm việc, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho ông T nhưng ông vẫn vắng mặt, cho thấy ông T không muốn níu kéo cuộc hôn nhân này. Mặt khác, theo Biên bản xác minh ngày 29/6/2022, địa phương cho biết: Vợ chồng bà O, ông T đã sống chung tại số nhà 68/3A, ấp ĐK, xã GK, huyện TN, tỉnh Đồng Nai trong quá trình chung sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, vợ chồng thường xuyên cãi vã, to tiếng còn về nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn cụ thể thì địa phương không nắm rõ do đương sự không trình báo, hiện hai vợ chồng đã không còn sống chung từ năm 2019.

Xét thấy mâu thuẫn giữa Bà O và ông T đã thật sự trầm trọng, không có khả năng hàn gắn đoàn tụ, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc việc bà O xin ly hôn với ông T là có cơ sở. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đặng Thị O.

[2.2] *Về con chung*: Trong quá trình sống chung, bà O và ông T có 04 (bốn) con chung là Đào A, sinh ngày 06/7/2000, Đào B, sinh ngày 23/9/2003, Đào C, sinh ngày 14/01/2006, Đào D, sinh ngày 01/01/2010. Khi ly hôn, bà O yêu cầu trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục các cháu Giang, Sơn. Bà O không yêu cầu ông T phải cấp dưỡng nuôi con. Riêng hai cháu Đào A và Đào B đã thành niên có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Xét thấy, việc nuôi dưỡng, chăm sóc con chung là trách nhiệm của cha mẹ. Khi ly hôn bà O xin được trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Ông T đã được triệu tập hợp lệ nhưng không đến Tòa án làm việc, qua tham khảo nguyện vọng của cháu Giang, Sơn là được ở với mẹ , hiện các cháu đang sống cùng bà O. Do đó, để đảm bảo cuộc sống ổn định và tạo điều kiện phát triển về mọi mặt của các cháu cần tiếp tục giao các cháu Đào D và Đào C cho bà Đặng Thị O trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Tạm thời ông T không cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, ông T vẫn phải có nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung mà không ai được cản trở thực hiện quyền này. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Đối với hai cháu Đào A và Đào B đã thành niên nên không xem xét giải quyết.

[2.3] *Về tài sản chung*: Theo bà O trình bày là không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do bị đơn vắng mặt chưa có lời khai về tài sản chung, nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[2.4] *Về nợ chung*: Theo bà O trình bày là không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do bị đơn vắng mặt chưa có lời khai về nợ chung, nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[3] *Về án phí*: Bà O phải chịu 300.000đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

[4] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[5] Về quyền kháng cáo: Các bên đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 203, Điều 220, Điều 227, Điều 238, Điều 266, Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào Điều 11, Điều 12 Luật Hôn nhân gia đình năm 2000; Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 và Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đặng Thị O;

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Đặng Thị O được ly hôn với ông Đào Ngọc T

.

2. Về con chung: Giao các cháu Đào D, sinh ngày 01/01/2010 và Đào C, sinh ngày 14/01/2006 cho bà Đặng Thị O trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Tạm thời ông T không cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, ông Đào Ngọc T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con, khi cần thiết các bên được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Không đặt ra giải quyết.

4. Về nợ chung: Không đặt ra giải quyết.

5. Về án phí: Bà Đặng Thị O phải chịu tiền án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đồng *(Ba trăm nghìn đồng*) được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí là 300.000đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo Biên lai thu tiền số 0008778 ngày 01/6/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai.

6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKS huyện Thống Nhất;
- UBND phường (xã) nơi ĐKKH;
- Lưu HS, VP, Tòa DS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Phạm Thị Thanh Xuân